



THÔNG BÁO

LỊCH KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2025 – 2026

Trường Tiểu học Pathway School - cơ sở Lương Định Cửa kính gửi Quý Phụ huynh kế hoạch kiểm tra Cuối học kì I (CHKI) như sau:

- **Thời gian kiểm tra:** từ ngày 08/12/2025 đến ngày 23/12/2025
- **Đối tượng kiểm tra:** Học sinh khối 1, 2, 3, 4, 5 Trường Tiểu học Pathway School cơ sở Lương Định Cửa
- **Không gian kiểm tra:** tại lớp học cơ sở Lương Định Cửa

I. Thời gian chi tiết

1. Kiểm tra môn Tiếng Anh (Speaking)

- Thời gian kiểm tra: từ ngày 08/12/2025 đến ngày 11/12/2025 (theo TKB lớp)

2. Kiểm tra môn Tin học và các môn Kỹ năng

- Thời gian kiểm tra: từ ngày 15/12/2025 đến ngày 19/12/2025 (theo TKB lớp)

3. Kiểm tra các môn Văn hóa

3.1. Đối với khối 1, 2, 3

Thời gian	Thứ Ba 16/12/2025	Thứ Năm 18/12/2025	Thứ Sáu 19/12/2025	Thứ Hai 22/12/2025	Thứ Ba 23/12/2025
Sáng	Công nghệ - K.3 8:00 – 8:40	Tiếng Anh (Writing + Listening + Reading) 08:00 – 08:40 (K2) 09:45 – 10:25 (K1)	Tiếng Anh (Writing + Listening + Reading) 08:00 – 08:40 (K3)	Toán - K1.2.3 8:00 – 8:40 Tiếng Việt (ĐTT) - K1.2.3 9:45	Tiếng Việt - K1.2.3 Đọc hiểu: 08:00 – 08:30 Viết: 9:30 – 10:10

3.2. Đối với khối 4, 5



Thời gian	Thứ Ba 16/12/2025	Thứ Tư 17/12/2025	Thứ Năm 18/12/2025	Thứ Sáu 19/12/2025	Thứ Hai 22/12/2025	Thứ Ba 23/12/2025
Sáng	Công nghệ - K4.5 9:45 – 10:25	Tiếng Anh (Writing + Listening + Reading) 8:00 – 8:40 (K4) 09:45 – 10:25 (K5)	Khoa học - K4.5 8:40 – 9:20	Lịch sử & Địa lý - K4.5 9:45 – 10: 25	Tiếng Việt (ĐTT) K4.5 8:00 Toán – K4.5 09:45 – 10:25	Tiếng Việt – K4.5 Đọc – hiểu: 8:40 – 09:10 Viết: 10:20 – 11:00

II. Các quy định chung

- Nhà trường tổ chức kiểm tra CHKI theo đúng quy định.
- Bài kiểm tra của học sinh được đánh giá và gửi thông báo kết quả cho Phụ huynh.

Lưu ý: Học sinh chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ học tập theo quy chế kiểm tra.

III. Nội dung đề kiểm tra

- Đánh giá sự tiến bộ của học sinh, coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan. Tuyệt đối không tạo ra áp lực kiểm tra định kì đối với học sinh, chỉ xem như một hoạt động đánh giá thông thường hằng ngày dành cho các em.

- Căn cứ trên kết quả kiểm tra của học sinh, giáo viên điều chỉnh kế hoạch dạy học kịp thời; lựa chọn phương pháp và tổ chức hình thức dạy học phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập rèn luyện của học sinh; đồng thời có kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng, hỗ trợ và phụ đạo cho từng đối tượng học sinh, đảm bảo học sinh đạt yêu cầu cần đạt của từng môn học và hoạt động giáo dục.

- Đề kiểm tra được gửi về cơ quan quản lý lưu trữ theo quy định.

BAN GIÁM HIỆU



Phụ lục: Nội dung ôn tập - Kiểm tra các môn và lớp CHKI năm học 2025 - 2026

STT	Môn Kiểm tra	Nội dung ôn tập
1	Toán	<p>1. Số tự nhiên</p> <ul style="list-style-type: none">Đếm, đọc, viết các số trong phạm vi 10Sắp xếp, so sánh các số trong phạm vi 10 <p>2. Các phép tính với số tự nhiên</p> <ul style="list-style-type: none">Phép cộng trong phạm vi 10Phép trừ trong phạm vi 10Tách – gộp trong phạm vi 10 <p>3. Hình học</p> <ul style="list-style-type: none">Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giảnLắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học
2	Tiếng Việt	<p>Đọc thành tiếng</p> <ul style="list-style-type: none">Đọc vần, từ, câu.Đọc vần (khoảng 5 vần), từ (khoảng 5 từ ngữ), câu (khoảng 8 - 10 chữ).Trả lời các câu hỏi đơn giản liên quan đến câu.Tốc độ đọc 20 - 30 tiếng/ phút, đọc to, rõ và đúng tiếng, từ. <p>Đọc hiểu</p> <ul style="list-style-type: none">Đọc và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh trong đoạn văn.Điền vần, tiếng, từ vào chỗ chấm, thể hiện nội dung theo hình ảnh, nối hai cột để tạo thành câu theo nội dung bài đọc. <p>Chính tả</p> <ul style="list-style-type: none">Nghe viết đúng âm, vần (6 âm, vần)Nhìn viết đúng từ, cụm từ (2 từ)Nhìn viết đúng câu (1 câu có độ dài khoảng 8 - 10 chữ.) (2đ) <p>Bài tập chính tả</p>



		<ul style="list-style-type: none">• Viết từ theo hình gợi ý• Viết từ vào chỗ trống để hoàn thành câu• Viết âm, vần vào chỗ trống để hoàn thành từ	
3	Tiếng Anh	VOCABULARY	STRUCTURE
Unit 1	Phonics-Smart: apple, ant, big, small Beehive: - clock, door, board, window, desk, bin, chair - red, green, blue, brown, yellow, orange	- <i>What is it? – It's a...</i> - <i>What colour is it/the...? – It's/The ... is</i>	
Unit 2	Phonics-Smart: bird, bear Beehive: - kite, teddy, boat, robot, plane, ball - book, pencil, rubber, pen, bag, ruler	- <i>I've got... / I haven't got...</i> - <i>This is my ... / This is your ...</i>	
Unit 3	Phonics-Smart: cow Beehive: - read, draw, sing, dance, climb - run, jump, catch, talk, swim	- <i>I can... / I can't...</i> - <i>Can you...? – Yes, I can. / No, I can't</i>	
Unit 4	Phonics-Smart: donkey, chicken Beehive: - bee, cat, dog, duck, frog, fish, snake, spider - tree, plant, flower, beach, shell	- <i>Is it a...? – Yes, it is. / No, it isn't.</i> - <i>There's a... / There're some...</i>	

